

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về
thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về
việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính
phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị
định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một
cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
102/TTr-STNMT ngày 01 tháng 3 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, sửa đổi bổ sung, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường và danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế: Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm gồm 13 thủ tục hành chính, trong đó danh mục thủ tục hành chính mới ban hành: 09 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực môi trường (04 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 04 thủ tục hành chính cấp huyện, 01 thủ tục hành chính cấp xã); danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 02 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực đo đạc, bản đồ; danh mục thủ tục hành chính thay thế: 02 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực môi trường. Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính lĩnh vực đo đạc, bản đồ được ban hành được ban hành kèm theo Quyết định số 88/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành: Chi tiết, có Phụ lục II đính kèm gồm 13 (8 quy trình nội bộ cấp tỉnh, 04 quy trình nội bộ cấp huyện, 01 quy trình nội bộ cấp huyện) thuộc phạm vi, chức năng, quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: Chi tiết, có Phụ lục III đính kèm 06 thủ tục hành chính (05 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 01 thủ tục hành chính cấp huyện) đã được công bố tại Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Danh mục quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính bị bãi bỏ: Chi tiết, có Phụ lục IV kèm 07 quy trình (06 quy trình nội bộ cấp tỉnh, 01 quy trình nội bộ cấp huyện) đã được phê duyệt tại Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận: Chi tiết, có Phụ lục V đính kèm.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố công khai, giải quyết thủ tục hành chính; cung cấp nội dung thủ tục hành chính để Trung tâm PVHCC

niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật nội dung thủ tục hành chính, đồng thời chỉnh sửa, bổ sung hoặc gỡ bỏ/thay thế quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này trong phần mềm Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo quy định. Hoàn thành trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, NC-KSTTHC (01).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Hùng

Phụ lục I**DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH; DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; DANH MỤC TTHC THAY THẾ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)***1. DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	Cấp giấy phép môi trường	+ Tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây: - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; - Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. + Tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh, Số 01 Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Chưa quy định	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		đối với các trường hợp còn lại.			
2	Cấp đổi giấy phép môi trường	Tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm PVHCC tỉnh, Số 01 Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
3	Cấp chỉnh điều chỉnh giấy phép môi trường	Tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm PVHCC tỉnh, Số 01 Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Chưa quy định	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					môi trường.
4	Cấp lại giấy phép môi trường	+ Tối đa 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp sau: • Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; • Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung). + Tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp sau đây: • Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ	Trung tâm PVHCC tỉnh, Số 01 Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Chưa quy định	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường; • Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường. <i>(Trong đó, tối đa 15 ngày làm việc kể từ</i>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây: • Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; • Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).			
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN				
1	Cấp giấy phép môi trường	+ Tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây: • Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; • Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Chưa quy định	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. + Tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp còn lại.			ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2	Cấp đổi giấy phép môi trường	Tối đa 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
3	Cấp chỉnh điều chỉnh giấy phép môi trường	Tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Chưa quy định	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
4	Cấp lại giấy phép môi trường	+ Tối đa 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp sau: • Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; • Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung). + Tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Chưa quy định	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp sau đây: • Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường; • Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường. <i>(Trong đó, tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</i> <i>• Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</i> <i>• Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</i>			
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ				
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	- Thời hạn kiểm tra về tính đầy đủ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn xử lý, trả kết quả:	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		+ Tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ tham vấn theo quy định. + Trường hợp không có phản hồi trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn.			ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	- Trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: + <i>Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hạng II.</i> + <i>Trường hợp cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ chưa có kết quả sát hạch. Trong trường hợp này, thời hạn xét cấp chứng chỉ theo quy định khoản 1 Điều 47 Nghị định 27/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Nghị định 136/2021/NĐ-CP).</i> - Trường hợp gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng	Trung tâm PVHCC tỉnh Hải Dương, số 01 Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương	Chưa quy định	- Luật đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; - <i>Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: <i>Trong thời hạn 03 ngày làm việc</i>			
2	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Ngay trong ngày làm việc	Trung tâm Công nghệ thông tin trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Km 4, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương.	Mức phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ tại biểu mục thu phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chi tiết tại Phụ biểu kèm theo	- Luật đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; <i>Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;</i> - Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2019 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc bản đồ; Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10/6/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21/4/2017 quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

3. DANH MỤC TTHC THAY THẾ LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí, nếu có	Căn cứ pháp lý
1	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính: tối đa 50 ngày làm việc, cụ thể như sau: - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND tỉnh (quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường).	Trung tâm PVHCC tỉnh Hải Dương, số 01 Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết tại Phụ biểu II kèm theo	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí, nếu có	Căn cứ pháp lý
			- Thời điểm thông báo kết quả: trong thời hạn thẩm định. - Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.			tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời hạn phê duyệt hồ sơ: + Tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm PVHCC tỉnh Hải Dương, số 01 Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết tại Phụ biểu II kèm theo	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí, nếu có	Căn cứ pháp lý
	40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)					10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

PHỤ BIỂU I
MỨC THU PHÍ PHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN
DỮ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
(theo Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số tt	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
I	Bản đồ địa hình quốc gia in trên giấy			
1	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn	tờ	120.000	
2	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	tờ	130.000	
3	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000	tờ	140.000	
4	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000 và nhỏ hơn	tờ	170.000	
II	Bản đồ số dạng Vector			
1	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000	mảnh	400.000	<i>Nếu chọn lọc nội dung theo lớp dữ liệu thành phần thì mức thu phí như sau:</i> a) Nhóm lớp dữ liệu: địa hình; dân cư; giao thông; thủy văn: thu bằng 1/6 mức thu theo mảnh nhân với hệ số 1,2;
2	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:5.000	mảnh	440.000	
3	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000	mảnh	670.000	
4	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	mảnh	760.000	
5	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000	mảnh	950.000	
6	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000	mảnh	2.000.000	
7	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:250.000	mảnh	3.500.000	
8	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:500.000	mảnh	5.000.000	
9	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:1.000.000	mảnh	8.000.000	
10	Bản đồ hành chính Việt Nam	bộ	4.000.000	
11	Bản đồ hành chính tỉnh	bộ	2.000.000	
12	Bản đồ hành chính cấp huyện	bộ	1.000.000	b) Nhóm lớp dữ liệu: địa giới hành chính, biên giới quốc gia; thực vật: thu bằng 1/6 mức thu theo mảnh
III	Bản đồ số dạng Raster	Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng vector cùng tỷ lệ		

Số tt	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
IV	Dữ liệu ảnh hàng không			
1	<i>Dữ liệu ảnh hàng không kỹ thuật số</i>	file	250.000	
2	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 16 μm	file	250.000	
3	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 20 μm	file	200.000	
4	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 22 μm	file	150.000	
5	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:2.000	mảnh	60.000	
6	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:5.000	mảnh	60.000	
7	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:10.000	mảnh	70.000	
8	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:25.000	mảnh	70.000	
9	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:50.000	mảnh	70.000	
V	Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia			
1	Cấp 0	điểm	340.000	
2	Hạng I	điểm	250.000	
3	Hạng II	điểm	220.000	
4	<i>Hạng III</i>	điểm	200.000	Áp dụng cho cả các điểm địa chính cơ sở
VI	Số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia			
1	Hạng I	điểm	160.000	
2	Hạng II	điểm	150.000	
3	Hạng III	điểm	120.000	
VII	Số liệu của mạng lưới trọng lực quốc gia			
1	Điểm cơ sở	điểm	200.000	
2	Hạng I	điểm	160.000	
3	Hạng II	điểm	140.000	
VIII	Ghi chú điểm tọa độ quốc gia, độ cao quốc gia, trọng lực quốc gia	tờ	20.000	

Số tt	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
IX	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia			
1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000	mảnh	400.000	1. Nếu chọn lọc nội dung theo dữ liệu thành phần thì mức thu phí như sau: a) Các dữ liệu: địa hình; dân cư; giao thông; thủy văn: thu bằng 1/6 mức thu theo mảnh nhân với hệ số 1,2; b) Các dữ liệu: địa giới hành chính, biên giới quốc gia; lớp phủ bề mặt: thu bằng 1/6 mức thu theo mảnh. 2. Nếu bản đồ số được kết xuất từ cơ sở dữ liệu và đã thu phí sử dụng cơ sở dữ liệu thì không thu phí sử dụng bản đồ.
2	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:5.000	mảnh	500.000	
3	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000	mảnh	850.000	
4	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000; 1:50.000; 1:100.000	mảnh	1.500.000	
5	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:250.000; 1:500.000; 1:1.000.000	mảnh	8.000.000	
6	Mô hình số độ cao độ chính xác cao xây dựng bằng công nghệ quét lidar đóng gói theo mảnh tỉ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000	mảnh	200.000	
7	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 0.5 mét đến 5 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000	mảnh	80.000	

Số tt	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
8	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 5 mét đến 10 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/10.000	mảnh	170.000	
9	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 5 mét đến 10 mét: - Đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:50.000	mảnh	2.550.000	
	- Đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:25.000	mảnh	640.000	
10	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 20 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/50.000	mảnh	300.000	

PHỤ BIỂU II
MỨC THU PHÍ LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

(Theo Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu	Cơ quan thu
1	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường			Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở TN và MT
1.1	Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường			
a	Vốn đầu tư < 50 tỷ đồng	đ/báo cáo	5.000.000	
b	Vốn đầu tư > 50 tỷ đồng nhưng < 100 tỷ đồng	-	6.500.000	
c	Vốn đầu tư > 100 tỷ đồng	-	8.500.000	
1.2	Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng			
a	Vốn đầu tư < 50 tỷ đồng	đ/báo cáo	6.900.000	
b	Vốn đầu tư > 50 tỷ đồng nhưng < 100 tỷ đồng	-	8.500.000	
c	Vốn đầu tư > 100 tỷ đồng	-	12.000.000	
1.3	Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật; Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			

a	Vốn đầu tư < 50 tỷ đồng	đ/báo cáo	7.000.000	
b	Vốn đầu tư > 50 tỷ đồng nhưng < 100 tỷ đồng	-	9.000.000	
c	Vốn đầu tư > 100 tỷ đồng	-	12.000.000	
1.4	Nhóm 4: Dự án Giao thông; Dự án Công nghiệp			
a	Vốn đầu tư < 50 tỷ đồng	đ/báo cáo	8.000.000	
b	Vốn đầu tư > 50 tỷ đồng nhưng < 100 tỷ đồng	-	10.000.000	
c	Vốn đầu tư > 100 tỷ đồng	-	13.000.000	
2	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung			
2.1	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường	đ/ phương án	10.000.000	

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
I.1	Lĩnh vực môi trường
1	Cấp giấy phép môi trường
2	Cấp đổi giấy phép môi trường
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường
4	Cấp lại giấy phép môi trường
5	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
6	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
I.2	Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và viễn thám
1	Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II
2	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN
1	Cấp giấy phép môi trường
2	Cấp đổi giấy phép môi trường
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường
4	Cấp lại giấy phép môi trường
III	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường

B – QUY TRÌNH NỘI BỘ

I - THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I.1. Lĩnh vực môi trường

1. Cấp giấy phép môi trường.

1.1. Thời hạn giải quyết:

* Trường hợp 1: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là **15** (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là **05** (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp sau đây:

- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

- Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

* Trường hợp 2: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là **30** (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là **10** (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp còn lại.

Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.

1.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

* *Trường hợp 1: Dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục 1.1.a, UBND tỉnh thành lập Tổ thẩm định.*

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	0,5 ngày
B2	Nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ HCC và chuyển cho Chi cục BVMT	Văn thư Sở	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận

B3	Chuyển hồ sơ đề UBND tỉnh công khai trên trang TTĐT của tỉnh và tham mưu lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh ký văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi (nếu xả nước thải vào công trình thủy lợi), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu SX, KD, DV tập trung, CCN (nếu dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu SX, KD, DV tập trung, CCN)	Chi cục Môi trường	1,5 ngày
B4	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh; ký duyệt văn bản tham vấn ý kiến	Lãnh đạo UBND tỉnh	1,0 ngày
B5	Trình UBND tỉnh thành lập Tổ thẩm định	Sở TNMT	1,0 ngày
B6	Xem xét, trình ký Quyết định thành lập Tổ thẩm định	VP UBND tỉnh	0,5 ngày
B7	Ký quyết định thành lập Tổ thẩm định	UBND tỉnh	0,5 ngày
B8	Thành viên Tổ thẩm định nghiên cứu hồ sơ, viết bản nhận xét	Thành viên Tổ thẩm định	4,0 ngày
B9	Họp thẩm định báo cáo đề xuất cấp GPMT	Tổ thẩm định	0,5 ngày
B10	Tổng hợp và Thông báo kết quả thẩm định, nếu đạt chuyển sang B11, chưa đạt chuyển tiếp B10	Tổ thẩm định	0,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định

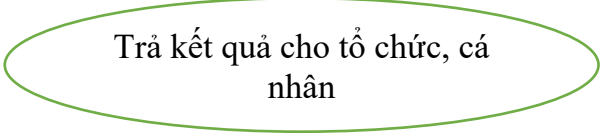
B11	Chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp GPMT	Chủ dự án và đơn vị tư vấn	Không quy định
B12	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề xuất cấp GPMT sau khi chỉnh sửa hoặc sau khi hoàn thiện không cần chỉnh sửa trình lãnh đạo Sở báo cáo kết quả thẩm định	Chi cục Bảo vệ môi trường	2,0 ngày
B13	Xem xét, trình UBND tỉnh cấp GPMT	Lãnh đạo Sở TNMT	0,5 ngày
B14	Xem xét, trình lãnh đạo UBND tỉnh cấp GPMT	VP UBND tỉnh	1,0 ngày
B15	Ký quyết định cấp GPMT	Lãnh đạo UBND tỉnh	1,0 ngày
B16	Chuyển kết quả ra Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B17	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	Không tính thời gian

*** Trường hợp 2: Dự án đầu tư, cơ sở thuộc UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định.**

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	0,5 ngày

B2	Nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và chuyển cho Chi cục BVMT	Văn thư Sở	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận
B3	Chuyển hồ sơ để UBND tỉnh Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh; tham mưu lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh ký văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi (nếu xả nước thải vào công trình thủy lợi), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu SX, KD, DV tập trung, CCN (nếu dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu SX, KD, DV tập trung, CCN)	Chi Cục Môi trường	1,5 ngày
B4	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh; Ký duyệt văn bản tham vấn ý kiến	UBND tỉnh	1,0 ngày
B5	Lập tờ trình trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	Sở TNMT	1,0 ngày
B6	Xem xét, trình Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	VP UBND tỉnh	0,5 ngày
B7	Ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày
B8	Thành viên Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định nghiên cứu hồ sơ, viết bản nhận xét	Thành viên hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	12 ngày

B9	Họp thẩm định/Kiểm tra thực tế	Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	0,5 ngày
B10	Tổng hợp và Thông báo kết quả thẩm định, nếu đạt chuyển sang B11, chưa đạt chuyển tiếp B10	Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra	2,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định
B11	Chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp GPMT	Chủ dự án và đơn vị tư vấn	Không quy định
B12	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ báo cáo đề xuất cấp GPMT sau khi chỉnh sửa hoặc sau khi hoàn thiện không cần chỉnh sửa trình lãnh đạo Sở báo cáo kết quả thẩm định	Chi cục Bảo vệ môi trường	5,0 ngày
B13	Xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt	Sở TNMT	2,5 ngày
B14	Xem xét, trình lãnh đạo UBND tỉnh cấp GPMT	VP UBND tỉnh	1,0 ngày
B15	Ký quyết định cấp GPMT	Lãnh đạo UBND tỉnh	1,0 ngày
B16	Chuyển kết quả ra Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày

B17		Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	Không tính thời gian
------------	--	--	----------------------

1.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

1.3.1. Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tài nguyên và Môi trường thường trực tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và bàn giao hồ sơ cho nhân viên Bưu chính, nhân viên Bưu chính chuyển hồ sơ về Văn thư Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian ½ ngày, Văn thư Sở chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường chuyển ngay hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

1.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Chi cục Môi trường tiếp nhận hồ sơ từ Văn thư sở, xem xét chuyển hồ sơ UBND tỉnh công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh và trình lãnh đạo UBND tỉnh ký văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy thủy lợi (nếu xả nước thải vào công trình thủy lợi), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu SX, KD, DV tập trung, CCN (nếu dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu SX, KD, DV tập trung, CCN) trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt văn bản tham vấn, chuyển Văn phòng UBND tỉnh gửi văn bản xin ý kiến tham vấn và công khai dung báo cáo đề xuất cấp GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh trong thời hạn 1,0 ngày làm việc

- Chi cục Bảo vệ môi trường thẩm tra hồ sơ, lập dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định gửi lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh trong thời gian 1,0 ngày làm việc.

- Văn phòng UBND tỉnh xem xét trình lãnh đạo UBND tỉnh ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra với thời gian 0,5 ngày làm việc.

- Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định với thời gian 0,5 ngày làm việc.

- Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục trường hợp 1 trong khoảng thời hạn 4,5 ngày làm việc Tổ thẩm định tiến hành họp thẩm định báo cáo đề xuất cấp GPMT kể từ ngày có Quyết định thành lập Tổ thẩm định; Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục trường hợp 2 Trong thời hạn 12,5 ngày làm việc Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm

tra/Tổ thẩm định tiến hành họp thẩm định báo cáo đề xuất cấp GPMT/kiểm tra thực tế tại cơ sở kể từ ngày có Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định.

- Sở Tài Nguyên và Môi trường thông báo kết quả thẩm định/kiểm tra trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp thẩm định/kiểm tra đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục trường hợp 1 và 2,5 ngày làm việc đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục trường hợp 2.

- Trường hợp Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được thông qua hoặc thông qua cần chỉnh sửa bổ sung: Chủ dự án/chủ cơ sở hoàn thiện lại Hồ sơ nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Trường hợp Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường không đạt yêu cầu: Sở Tài nguyên và Môi trường trả hồ sơ cho Chủ dự án/chủ cơ sở kèm theo biên bản thông báo kết quả thẩm định/kiểm tra để Chủ dự án/Chủ cơ sở hoàn thiện, bổ sung hồ sơ; Trung tâm Phục vụ hành chính công trả hồ sơ.

Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ theo nội dung Biên bản họp thẩm định/Biên bản kiểm tra trong thời hạn theo quy định và nộp lại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Chi cục Bảo vệ môi trường rà soát, thẩm định báo cáo đề xuất cấp GPMT đã chỉnh sửa, bổ sung theo Biên bản họp thẩm định/Biên bản kiểm tra trong thời gian 2,0 ngày làm việc đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục trường hợp 1; 5,0 ngày làm việc đối với dự án/cơ sở thuộc mục trường hợp 2.

- + *Trường hợp báo cáo đề xuất không đạt yêu cầu:* Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi cho Chủ dự án/chủ cơ sở để hoàn thiện hồ sơ và gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công. Chủ dự án/chủ cơ sở hoàn thiện và nộp lại cho Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi hồ sơ được hoàn thiện.

- *Trường hợp báo cáo đề xuất đạt yêu cầu:* Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu trình lãnh đạo Sở ký Tờ trình, dự thảo Quyết định cấp Giấy phép môi trường. Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh cấp Giấy phép trong thời gian 0,5 ngày làm việc đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục trường hợp 1; thời gian 2,5 ngày làm việc đối với dự án/cơ sở thuộc mục trường hợp 2.

- Văn phòng UBND tỉnh thẩm tra hồ sơ trước khi trình Lãnh đạo UBND tỉnh ban hành quyết định cấp Giấy phép môi trường trong thời hạn 1,0 ngày làm việc.

Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường, UBND tỉnh có văn bản nêu rõ lý do gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thông báo cho Chủ dự án.

- Trường hợp đủ điều kiện: lãnh đạo UBND tỉnh ký Quyết định cấp Giấy phép môi trường thời hạn 01 ngày làm việc.

- Văn phòng UBND tỉnh chuyển kết quả ra Trung tâm phục vụ hành chính công để trả Hồ sơ cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn $\frac{1}{2}$ ngày.

- Ủy ban nhân dân tỉnh công khai trên cổng thông tin điện tử giấy phép môi trường, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; vận hành, cập nhật, tích hợp dữ liệu về giấy phép môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

1.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Sau khi nhận kết quả của Văn phòng UBND tỉnh, bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bru chính công ích.

2. Cấp đổi giấy phép môi trường.

2.1. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn cấp đổi giấy phép môi trường: Tối đa **10** (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.

2.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	0,5 ngày
B2	Nhận hồ sơ hợp lệ từ Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và chuyển cho Chi cục BVMT	Văn thư Sở	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận
B3	Chi cục bảo vệ môi trường thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp đổi GPMT nếu đạt chuyển sang B5, không đạt chuyển sang B4	Chi cục Bảo vệ môi trường	3,5 ngày
B4	Chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ cấp đổi GPMT	Chủ dự án đầu tư, cơ sở	Không quy định
B5	Trình lãnh đạo Sở báo cáo kết quả thẩm tra	Chi cục BVMT	2,5 ngày
B6	Xem xét, trình UBND tỉnh cấp đổi GPMT	Lãnh đạo Sở TNMT	1,0 ngày

B7	Xem xét, trình lãnh đạo UBND tỉnh cấp đổi GPMT	VP UBND tỉnh	1,0 ngày
B8		Lãnh đạo UBND tỉnh	1,0 ngày
B9	Chuyển kết quả ra Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	Không tính thời gian

2.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

2.3.1. Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tài nguyên và Môi trường thường trực tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và bàn giao hồ sơ cho nhân viên Bưu chính, nhân viên Bưu chính chuyển hồ sơ về Văn thư Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian ½ ngày, Văn thư Sở chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường chuyển ngay hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

2.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Chi cục Bảo vệ môi trường thẩm tra hồ sơ, lập dự thảo tờ trình cấp đổi Giấy phép môi trường gửi lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh trong thời gian 6,0 ngày làm việc.

+ Trường hợp Hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện, Chi cục Môi trường trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc văn bản từ chối tiếp nhận hồ sơ chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công chuyển cho chủ dự án trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

+ Chủ dự án/cơ sở hoàn thiện hồ sơ theo công văn trả lời của Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn theo quy định và nộp lại hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ *Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu*: Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu trình Lãnh đạo Sở ký Tờ trình cấp đổi Giấy phép môi trường.

- Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh cấp đổi Giấy phép trong thời gian 1,0 ngày làm việc.

- Văn phòng UBND tỉnh thẩm tra hồ sơ trước khi trình Lãnh đạo UBND tỉnh ban hành quyết định cấp đổi Giấy phép môi trường trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp đổi Giấy phép môi trường, UBND tỉnh có văn bản nêu rõ lý do gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thông báo cho Chủ dự án.

- Trường hợp đủ điều kiện, lãnh đạo UBND tỉnh ký Quyết định cấp đổi Giấy phép môi trường thời hạn 01 ngày làm việc.

- Văn phòng UBND tỉnh chuyển kết quả ra Trung tâm phục vụ hành chính công để trả Hồ sơ cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn ½ ngày.

- Ủy ban nhân dân tỉnh công khai trên cổng thông tin điện tử giấy phép môi trường đã được cấp đổi, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; vận hành, cập nhật, tích hợp dữ liệu về giấy phép môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

2.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Sau khi nhận kết quả của Văn phòng UBND tỉnh, bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích.

3. Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường.

3.1. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: Tối đa **15** (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.

3.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	0,5 ngày
B2	Nhận hồ sơ hợp lệ từ Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và chuyển cho Chi cục BVMT	Văn thư Sở	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận
B3	Chi cục bảo vệ môi trường thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh GPMT nếu đạt chuyển sang B5, không đạt chuyển sang B4	Chi cục Bảo vệ môi trường	5,5 ngày
B4	Chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ cấp điều chỉnh GPMT	Chủ dự án đầu tư, cơ sở	Không quy định
B5	Thẩm tra hồ sơ, dự thảo tờ trình trình lãnh đạo Sở báo cáo kết quả thẩm tra	Chi cục BVMT	5,5 ngày
B6	Xem xét, trình UBND tỉnh cấp điều chỉnh GPMT	Lãnh đạo Sở TNMT	1,0 ngày



B7	Xem xét, trình lãnh đạo UBND tỉnh cấp điều chỉnh GPMT	VP UBND tỉnh	1,0 ngày
B8		Lãnh đạo UBND tỉnh	1,0 ngày
B9	Chuyển kết quả ra Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	Không tính thời gian

3.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

3.3.1. Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tài nguyên và Môi trường thường trực tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và bàn giao hồ sơ cho nhân viên Bưu chính, nhân viên Bưu chính chuyển hồ sơ về Văn thư Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian ½ ngày, Văn thư Sở chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường chuyển ngay hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

3.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Chi cục Bảo vệ môi trường thẩm tra hồ sơ, lập dự thảo tờ trình cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường gửi lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh trong thời gian 11 ngày làm việc.

+ Trường hợp Hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện, Chi cục Môi trường trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc văn bản từ chối tiếp nhận hồ sơ chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công chuyển cho chủ dự án trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Chủ dự án/cơ sở hoàn thiện hồ sơ theo công văn trả lời của Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn theo quy định và nộp lại hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ *Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu*: Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu trình lãnh đạo Sở ký Tờ trình cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường.

- Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh cấp điều chỉnh Giấy phép trong thời gian 1,0 ngày làm việc.

- Văn phòng UBND tỉnh thẩm tra hồ sơ trước khi trình Lãnh đạo UBND tỉnh ban hành quyết định cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường trong thời hạn 1,0 ngày làm việc.

Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp đổi Giấy phép môi trường, UBND tỉnh có văn bản nêu rõ lý do gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thông báo cho Chủ dự án.

- Trường hợp đủ điều kiện, lãnh đạo UBND tỉnh ký Quyết định cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường thời hạn 01 ngày làm việc.

- Văn phòng UBND tỉnh chuyển kết quả ra Trung tâm phục vụ hành chính công để trả Hồ sơ cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn ½ ngày.

- Ủy ban nhân dân tỉnh công khai trên cổng thông tin điện tử giấy phép môi trường điều chỉnh, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; vận hành, cập nhật, tích hợp dữ liệu về giấy phép môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

3.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Sau khi nhận kết quả của Văn phòng UBND tỉnh, bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích.

4. Cấp lại giấy phép môi trường.

4.1. Thời hạn giải quyết:

* **Trường hợp 1:** Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp lại giấy phép môi trường tối đa là **20** (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:

- Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng.

- Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung).

* **Trường hợp 2:** Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là **30** (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:

- Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;

- Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.

Trong đó, tối đa **15 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:

- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

- Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ

gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.

4.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

** Trường hợp 1: Dự án đầu tư, cơ sở thuộc UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định.*

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	0,5 ngày
B2	Nhận hồ sơ hợp lệ từ Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và chuyển cho Chi cục BVMT	Văn thư Sở	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận
B3	Chuyển hồ sơ để UBND tỉnh công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp lại GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh; tham mưu lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh ký văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi (nếu xả nước thải vào công trình thủy lợi), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu SX, KD, DV tập trung, CCN (nếu dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu SX, KD, DV tập trung, CCN)	Chi cục Môi trường	1,5 ngày làm việc
B4	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp lại GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh; ký duyệt văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi	VP UBND tỉnh	1,0 ngày

B5	Thẩm định, lập tờ trình trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	Sở TNMT	1,0 ngày
B6	Xem xét, trình ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	VP UBND tỉnh	0.5 ngày
B7	Ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày
B8	Thành viên Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định nghiên cứu hồ sơ, viết bản nhận xét	Thành viên Hội đồng/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	5,0 ngày
B9	Họp thẩm định/Kiểm tra thực tế	Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra	0,5 ngày
B10	Tổng hợp và thông báo kết quả kiểm tra, nếu đạt chuyển sang B11, chưa đạt chuyển tiếp B10	Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	2,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định
B11	Chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp lại GPMT	Chủ dự án và đơn vị tư vấn	Không quy định
B12	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ báo cáo đề xuất cấp lại GPMT sau khi chỉnh sửa hoặc sau khi hoàn thiện không cần chỉnh sửa trình lãnh đạo Sở báo cáo kết quả thẩm định	Chi cục Bảo vệ môi trường	2,0 ngày
B13	Xem xét, trình UBND tỉnh quyết định cấp lại Giấy phép môi trường	Sở TNMT	2,5 ngày

B14	Xem xét, trình lãnh đạo UBND tỉnh cấp lại Giấy phép môi trường	VP UBND tỉnh	1,0 ngày
B15	Ký quyết định cấp lại GPMT	Lãnh đạo UBND tỉnh	1,0 ngày
B16	Chuyển kết quả ra Trung tâm phục vụ hành chính công	VP UBND tỉnh	0,5 ngày
	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không tính thời gian

*** Trường hợp 2: Dự án đầu tư, cơ sở thuộc UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định.**

* Quy trình thực hiện các dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP):

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	0,5 ngày
B2	Nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ HCC và chuyển cho Chi cục BVMT	Văn thư Sở	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận

B3	Chuyển hồ sơ đề UBND tỉnh công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp lại GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh; tham mưu lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh ký văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi (nếu xả nước thải vào công trình thủy lợi), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu SX, KD, DV tập trung, CCN (nếu dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu SX, KD, DV tập trung, CCN)	Chi cục Môi trường	1,5 ngày
B4	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp lại GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh; ký duyệt văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi	VP UBND tỉnh	1,0 ngày
B5	Lập tờ trình trình UBND tỉnh thành lập Tổ thẩm định	Sở TNMT	1,0 ngày
B6	Xem xét, trình ký Quyết định thành lập Tổ thẩm định	VP UBND tỉnh	0,5 ngày
B7	Ký quyết định thành lập Tổ thẩm định	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày
B8	Thành viên Tổ thẩm định nghiên cứu hồ sơ, viết bản nhận xét	Thành viên Tổ thẩm định	4,0 ngày
B9	Họp thẩm định báo cáo đề xuất cấp lại GPMT	Tổ thẩm định	0,5 ngày

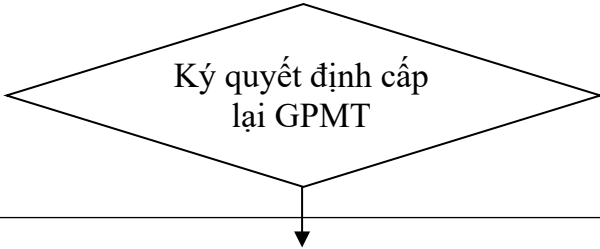
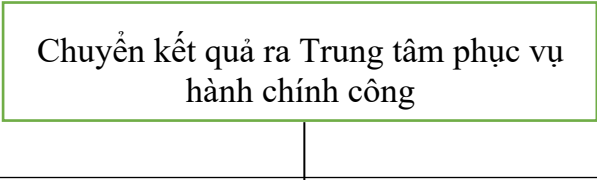
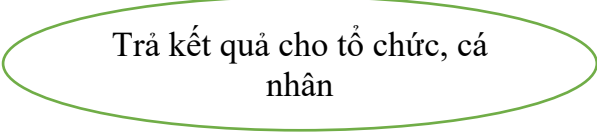
B10	Tổng hợp và Thông báo kết quả thẩm định, nếu đạt chuyển sang B11, chưa đạt chuyển tiếp B10	Tổ thẩm định	0,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định
B11	Chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp lại GPMT	Chủ dự án và đơn vị tư vấn	Không quy định
B12	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề xuất cấp lại GPMT sau khi chỉnh sửa hoặc sau khi hoàn thiện không cần chỉnh sửa trình lãnh đạo Sở báo cáo kết quả thẩm định	Chi cục Bảo vệ môi trường	1,5 ngày
B13	Xem xét, trình UBND tỉnh cấp lại GPMT	Lãnh đạo Sở TNMT	1,0 ngày
B14	Xem xét, trình lãnh đạo UBND tỉnh cấp lại GPMT	VP UBND tỉnh	1,0 ngày
B15	Ký quyết định cấp lại GPMT	Lãnh đạo UBND tỉnh	1,0 ngày
B16	Chuyển kết quả ra Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B17	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	Không tính thời gian

* Quy trình thực hiện các dự án đầu tư/cơ sở không thuộc trường hợp: các dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ

gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	0,5 ngày
B2	Nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và chuyển cho Chi cục BVMT	Văn thư Sở	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận
B3	Chuyển hồ sơ để UBND tỉnh công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp lại GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh; tham mưu lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh ký văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi (nếu xả nước thải vào công trình thủy lợi), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu SX, KD, DV tập trung, CCN (nếu dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu SX, KD, DV tập trung, CCN)	Chi cục Môi trường	1,5 ngày
B4	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp lại GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh; ký duyệt văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi	VP UBND tỉnh	1,0 ngày
B5	Lập tờ trình trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	Sở TNMT	1,0 ngày

B6	Xem xét, trình Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	VP UBND tỉnh	0,5 ngày
B7	Ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày
B8	Thành viên Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định nghiên cứu hồ sơ, viết bản nhận xét	Thành viên hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	12 ngày
B9	Họp thẩm định/Kiểm tra thực tế	Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định	0,5 ngày
B10	Tổng hợp và Thông báo kết quả thẩm định, nếu đạt chuyển sang B11, chưa đạt chuyển tiếp B10	Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra	2,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định
B11	Chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp lại GPMT	Chủ dự án và đơn vị tư vấn	Không quy định
B12	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ báo cáo đề xuất cấp lại GPMT sau khi chỉnh sửa hoặc sau khi hoàn thiện không cần chỉnh sửa trình lãnh đạo Sở báo cáo kết quả thẩm định	Chi cục Bảo vệ môi trường	5,0 ngày
B13	Xem xét, trình UBND tỉnh cấp lại GPMT	Sở TNMT	2,5 ngày
B14	Xem xét, trình lãnh đạo UBND tỉnh cấp lại GPMT	VP UBND tỉnh	1,0 ngày

B15		Lãnh đạo UBND tỉnh	1,0 ngày
B16		Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B17		Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	Không tính thời gian

4.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

4.3.1. Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tài nguyên và Môi trường thường trực tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và bàn giao hồ sơ cho nhân viên Bưu chính, nhân viên Bưu chính chuyển hồ sơ về Văn thư Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian ½ ngày, Văn thư Sở chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường chuyển ngay hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

4.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Sau khi nhận hồ sơ, Chi cục Môi trường xem xét hồ sơ, chuyển hồ sơ và văn bản tham vấn ý kiến đề UBND tỉnh niêm yết trên trang thông tin điện tử của tỉnh và ký duyệt văn bản tham vấn ý kiến trong thời hạn 1,5 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.

- UBND tỉnh công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp lại GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh gửi văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi (nếu xả nước thải vào công trình thủy lợi), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu SX, KD, DV tập trung, CCN (nếu dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu SX, KD, DV tập trung, CCN) trong thời hạn 1,0 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Chi cục Bảo vệ môi trường thẩm tra hồ sơ, lập dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định gửi lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh trong thời gian 1,0 ngày làm việc. Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định được thành lập như sau:

+ Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, không có nội dung sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất hoặc thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, trình UBND tỉnh thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế.

+ Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, trình UBND tỉnh thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế.

+ Đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, trình UBND tỉnh thành lập hội đồng thẩm định, hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư;

+ Đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động, trình UBND tỉnh thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra thực tế.

- Văn phòng UBND tỉnh xem xét, trình lãnh đạo UBND tỉnh Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định trong thời hạn 0,5 ngày làm việc;

- Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định với thời gian 0,5 ngày làm việc.

- Thành viên Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định nghiên cứu báo cáo đề xuất cấp lại GPMT và các tài liệu liên quan với thời gian cụ thể:

+ Đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc trường hợp 1 trong thời hạn 5,0 ngày làm việc;

+ Đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc mục trường hợp 2 trong thời hạn 12 ngày làm việc; 4,0 ngày làm việc đối với các dự án đầu tư/cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định tiến hành họp thẩm định/kiểm tra thực tế tại cơ sở kể từ ngày có Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định: 0,5 ngày.

- Sở Tài Nguyên và Môi trường thông báo kết quả thẩm định/kiểm tra kể từ ngày kết thúc thẩm định/kiểm tra trong thời hạn cụ thể như sau:

+ Đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc trường hợp 1 trong thời hạn 2,5 ngày làm việc;

+ Đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc trường hợp 2 trong thời hạn 2,5 ngày làm việc; 0,5 ngày làm việc đối với các dự án đầu tư/cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp Báo cáo đề xuất cấp lại Giấy phép môi trường được thông qua không cần chỉnh sửa bổ sung hoặc phải chỉnh sửa bổ sung: Chủ dự án/chủ cơ sở hoàn thiện lại Hồ sơ nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Trường hợp Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường không đạt yêu cầu: Sở Tài nguyên và Môi trường trả hồ sơ cho Chủ dự án/chủ cơ sở kèm theo biên bản thông báo kết quả thẩm định/kiểm tra để Chủ dự án/Chủ cơ sở hoàn thiện, bổ sung hồ sơ; Trung tâm Phục vụ hành chính công trả hồ sơ.

Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ theo nội dung Biên bản họp thẩm định/Biên bản kiểm tra trong thời hạn theo quy định và nộp lại Báo cáo đề xuất cấp lại Giấy phép môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Chi cục Bảo vệ môi trường rà soát, thẩm định báo cáo đề xuất cấp lại GPMT đã chỉnh sửa, bổ sung theo Biên bản họp thẩm định/Biên bản kiểm tra trong thời gian:

+ 2,0 ngày làm việc đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc trường hợp 1;

+ 5,0 ngày làm việc Đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc trường hợp 2; trong đó 2,0 ngày làm việc đối với các dự án đầu tư/cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

+ *Trường hợp báo cáo đề xuất không đạt yêu cầu:* Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi cho Chủ dự án/chủ cơ sở để hoàn thiện hồ sơ và gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công. Chủ dự án/chủ cơ sở hoàn thiện và nộp lại cho Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi hồ sơ được hoàn thiện.

- *Trường hợp báo cáo đề xuất đạt yêu cầu:* Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu trình lãnh đạo Sở ký Tờ trình, dự thảo Quyết định cấp lại Giấy phép.

- Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh cấp lại Giấy phép trong thời gian:

+ 2,5 ngày làm việc đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc trường hợp 1;
 + 2,5 ngày làm việc Đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc trường hợp 2; trong đó 0,5 ngày làm việc đối với các dự án đầu tư/cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Văn phòng UBND tỉnh thẩm tra hồ sơ trước khi trình Lãnh đạo UBND tỉnh ban hành quyết định cấp Giấy phép môi trường trong thời hạn 1,0 ngày làm việc.

Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không đủ điều kiện cấp lại Giấy phép môi trường, UBND tỉnh có văn bản nêu rõ lý do gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thông báo cho Chủ dự án.

- Trường hợp đủ điều kiện lãnh đạo UBND tỉnh ký Quyết định cấp lại Giấy phép môi trường thời hạn 1,0 ngày làm việc.

- Văn phòng UBND tỉnh chuyển kết quả ra Trung tâm phục vụ hành chính công để trả Hồ sơ cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn ½ ngày.

- Ủy ban nhân dân tỉnh công khai trên cổng thông tin điện tử giấy phép môi trường được cấp lại, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; vận hành, cập nhật, tích hợp dữ liệu về giấy phép môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

4.4. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Sau khi nhận kết quả của Văn phòng UBND tỉnh, bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bru chính công ích.

5. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5.1. Thời hạn giải quyết:

Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính: tối đa **50** ngày làm việc, cụ thể như sau:

- *Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:* không quy định.
- *Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:* Tối đa là **30** (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND tỉnh (quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường).
- *Thời điểm thông báo kết quả:* trong thời hạn thẩm định.
- *Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:* tối đa **20** (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

5.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

*** Trường hợp Thẩm định (ĐTM) thông qua Hội đồng thẩm định**

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	1/2 ngày
B2	Nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và chuyển cho Chi cục BVMT	Văn thư Sở	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận
B3	Thẩm định, kiểm tra hồ sơ, khảo sát khu vực thực hiện dự án	Chi cục Bảo vệ môi trường và thường trực Hội đồng	6,5 ngày
B4	Hồ sơ đảm bảo trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày

B6	Hộp thẩm định báo cáo ĐTM	Hội đồng thẩm định	14 ngày
B7	Thông báo kết quả thẩm định nếu thông qua không phải chỉnh sửa hoặc thông qua nếu phải chỉnh sửa, bổ sung chuyển sang bước B8, không thông qua chuyển sang bước B14	Hội đồng thẩm định	05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định
B8	Chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo ĐTM	Chủ dự án và đơn vị tư vấn	Không quá 12 tháng
B9	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ báo cáo ĐTM sau khi chỉnh sửa hoặc sau khi hoàn thiện không cần chỉnh sửa trình lãnh đạo Sở báo cáo kết quả thẩm định	Chi cục Bảo vệ môi trường	08 ngày
B10	Xem xét, ký trình UBND tỉnh phê duyệt	Lãnh đạo Sở	2,5 ngày
B11	Thẩm tra hồ sơ trước khi phê duyệt	VP UBND tỉnh	04 ngày
B12	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B13	Chuyển kết quả ra Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn phòng UBND tỉnh	1/2 ngày
B14	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	Không tính thời gian

5.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

5.3.1. Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tài nguyên và Môi trường thường trực tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và bàn giao hồ sơ cho nhân viên Bưu chính, nhân viên Bưu chính chuyển hồ sơ về Văn thư Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian $\frac{1}{2}$ ngày, Văn thư Sở chuyển ngay hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

5.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

a) Trường hợp Thẩm định (ĐTM) thông qua Hội đồng thẩm định

Chi cục Bảo vệ môi trường tiếp nhận hồ sơ từ Văn thư Sở Tài nguyên và Môi trường và tiến hành giải quyết hồ sơ:

Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện, cán bộ thụ lý hồ sơ tham mưu lãnh đạo Chi cục Môi trường ký duyệt văn bản sửa đổi bổ sung hồ sơ hoặc từ chối giải quyết chuyển đến Chủ dự án và Trung tâm Phục vụ hành chính công trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.

Nếu hồ sơ đủ điều kiện Chi cục Bảo vệ môi trường thẩm tra hồ sơ tham mưu lãnh đạo Sở Dự thảo quyết định thành lập hội đồng thẩm định để Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh trong thời gian 01 ngày làm việc.

Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định thời gian 03 ngày làm việc.

Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định tiến hành họp Hội đồng thẩm định, lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan lý công trình thủy lợi (đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi).

- Sở Tài Nguyên và Môi trường thông báo kết quả thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định.

- Trường hợp Hồ sơ được thông qua không cần chỉnh sửa bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án hoàn thiện lại Hồ sơ, bổ sung đĩa CD theo quy định và nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thời gian hoàn thiện và nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày thông báo kết quả thẩm định. Quá thời hạn 12 tháng kể từ ngày thông báo kết quả thẩm định, chủ dự án không nộp lại hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thì quy trình giải quyết tự chấm dứt, chủ dự án phải thực hiện lại từ đầu.

- Trường hợp Hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu: Sở Tài nguyên và Môi trường trả hồ sơ cho Chủ dự án kèm theo biên bản thông báo kết quả thẩm định để Chủ dự án hoàn thiện, bổ sung hồ sơ và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Chi cục Bảo vệ môi trường rà soát, thẩm định hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung theo Biên bản họp hội đồng thẩm định trong thời 08 ngày làm việc.

+ *Trường hợp Hồ sơ ĐTM không đạt yêu cầu:* Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi cho Chủ dự án để hoàn thiện hồ sơ và gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công. Chủ dự án hoàn thiện và nộp lại cho Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi hồ sơ được hoàn thiện.

+ *Trường hợp Hồ sơ ĐTM đạt yêu cầu:* Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét tham mưu trình lãnh đạo Sở Tờ trình, dự thảo Quyết định trong thời hạn 8 ngày làm việc.

- Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt trong thời hạn 2,5 ngày làm việc.

- Văn phòng UBND tỉnh thẩm tra hồ sơ trước khi trình Lãnh đạo UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trong thời hạn 04 ngày làm việc.

Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không đủ điều kiện phê duyệt, UBND tỉnh có văn bản nêu rõ lý do gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thông báo cho Chủ dự án.

- Trường hợp đủ điều kiện lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt Báo cáo ĐTM trong thời hạn 05 ngày làm việc.

- Văn phòng UBND tỉnh chuyển kết quả ra Trung tâm phục vụ hành chính công để trả Hồ sơ cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn ½ ngày.

- Ủy ban nhân dân tỉnh gửi quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và các đơn vị có liên quan.

5.4. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Sau khi nhận kết quả của Văn phòng UBND tỉnh, bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích.

6. Thủ tục: Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

6.1. Thời hạn giải quyết: 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hoàn chỉnh hồ sơ).

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời hạn phê duyệt hồ sơ: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.

6.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	1/2 ngày
B2	Nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và chuyển cho Chi cục BVMT	Văn thư Sở	Chuyển ngay sau khi nhận
B3	Kiểm tra, xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Chi cục Quyết định thành lập Hội đồng	Chi cục Bảo vệ môi trường	4,5 ngày
B4	Tham mưu trình lãnh đạo UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định	Lãnh đạo Sở	02 ngày
B5	Ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B6	Kiểm tra thực địa, Họp Hội đồng thẩm định	Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định	19 ngày

B7	Ký Văn bản thông báo kết quả thẩm định	Sở Tài nguyên và Môi trường	06 ngày
B8	Chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ	Chủ Dự án	Không quá 12 tháng kể từ ngày ký văn bản thông báo kết quả thẩm định
B9	Kiểm tra hồ sơ sau khi Chủ Dự án hoàn thiện	Chi cục Bảo vệ môi trường	05 ngày
B10	Trình phê duyệt Phương án CTPHMT	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	02 ngày
B11	Thẩm tra Hồ sơ	Văn phòng UBND tỉnh	5,5 ngày
B12	Ký Quyết định phê duyet	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B13	Chuyển kết quả ra Trung tâm dịch vụ hành chính công	Văn phòng UBND tỉnh	1/2 ngày
B14	Trả kết quả/hồ sơ cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	Không tính thời gian

6.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

6.3.1. Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tài nguyên và Môi trường thường trực tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và bàn giao hồ sơ cho nhân viên Bưu chính, nhân viên Bưu chính chuyển hồ sơ về Văn thư Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian $\frac{1}{2}$ ngày, Văn thư Sở chuyển ngay hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

6.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định:

- Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện, Chi cục Bảo vệ môi trường có văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung hồ sơ hoặc từ chối tiếp nhận hồ sơ nêu rõ lý do gửi cho tổ chức, cá nhân và Trung tâm hành chính công trong thời hạn 03 ngày làm việc.

- Đối với hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện trong thời hạn 4,5 ngày làm việc, Chi cục Bảo vệ môi trường Kiểm tra, xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở xem xét Quyết định thành lập hội đồng.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh quyết định thành lập hội đồng.

- Trong thời hạn 3 ngày làm việc, UBND tỉnh ký phê duyệt quyết định thành lập Hội đồng.

- Trong thời gian 19 ngày làm việc, Sở TN&MT tiến hành các hoạt động: kiểm tra thực địa, kiểm chứng các thông tin, số liệu; lấy mẫu phân tích kiểm chứng tại địa điểm thực hiện phương án CTPHMT và khu vực kế cận; tham vấn ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan; thuê các chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phân biện các nội dung của phương án CTPHMT (*trong trường hợp cần thiết*), Sở TN&MT tổ chức họp Hội đồng thẩm định.

- Trong thời hạn 06 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường ký thông báo kết quả thẩm định bằng biên bản cho tổ chức cá nhân đồng thời gửi Trung tâm Phục vụ HCC để theo dõi theo một (01) trong ba (03) trường hợp sau:

+ *Trường hợp hồ sơ không được thông qua*: Sở TN&MT trả lại hồ sơ kèm theo thông báo kết quả thẩm định cho tổ chức, cá nhân thông qua Trung tâm Phục vụ HCC. Tổ chức, cá nhân lập lại phương án CTPHMT.

+ *Trường hợp hồ sơ được thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung*: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi biên bản thông báo kết quả thẩm định cho tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo và nộp hồ sơ sau chỉnh sửa, bổ sung cho Chi cục Bảo vệ môi trường.

+ *Trường hợp hồ sơ được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung:* Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ phê duyệt theo văn bản thông báo của Chi cục Bảo vệ môi trường.

- Tổ chức, cá nhân tiến hành chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ (*thời gian không quá 06 tháng kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường ký Văn bản thông báo kết quả thẩm định*).

- Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở rà soát hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung và hồ sơ thông qua không cần chỉnh sửa theo thông báo kết quả thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở TN&MT hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ký quyết định phê duyệt phương án CTPHMT.

- Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc, Văn phòng UBND tỉnh thẩm tra hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc UBND tỉnh ký Quyết định phê duyệt phương án CTPHMT .

6.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Sau khi có kết quả, Văn phòng UBND tỉnh chuyển hồ sơ/kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (*1/2 ngày làm việc*), bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân.

I - 1. Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và viễn thám (Theo quy định công bố 1 thủ tục do vậy gộp vào 1 thủ tục và phân theo trường hợp), xem lại bổ sung bước thành lập Hội đồng

1. Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II

1.1. Thời hạn giải quyết:

- **Trường hợp cấp mới:** Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hạng II

Trường hợp cá nhân chưa có kết quả sát hạch thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II, thời gian được tính kể từ thời điểm có kết quả sát hạch.

- **Trường hợp gia hạn, cấp đổi, cấp lại.....**

1.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

*** Trường hợp cấp mới**

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	½ ngày
B2	Nhận hồ sơ từ Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và chuyển cho phòng ĐDBĐ&VT	Văn thư Sở	Chuyển ngay sau khi nhận
B3	Tổ chức đánh giá hồ sơ; sát hạch xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II của Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định
B4	Tổng hợp, trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường cấp chứng chỉ hành nghề đăng tải kết quả sát hạch và xét cấp chứng chỉ hành nghề trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường	Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II của Sở Tài nguyên và Môi trường	Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tổ chức sát hạch (Xem lại quy định khoản 15, Điều 01 NĐ

			136/2021/NĐ-CP)
B5		Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường	Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày đăng tải kết quả sát hạch
B6		Văn thư Sở	½ ngày
B7		Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh	Không tính thời gian

1.3. Diễn giải quy trình:

1.3.1. Tiếp nhận hồ sơ

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tài nguyên và Môi trường thường trực tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và bàn giao hồ sơ cho nhân viên Bưu chính chuyển Văn thư Sở trong thời gian ½ ngày; Văn thư Sở chuyển hồ sơ cho phòng Đo đạc bản đồ và Viễn thám trong thời gian ½ ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận lập Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

1.3.2. Tổ chức sát hạch xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II theo quy định.

- Phòng Đo đạc bản đồ và Viễn thám tiếp nhận hồ sơ từ Văn thư Sở Tài nguyên và Môi trường; thực hiện kiểm tra, tổng hợp các hồ sơ và tiến hành thủ tục tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II theo quy định tại Khoản 1 Điều 44 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ và được sửa đổi tại Điểm b khoản 15 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ.

- Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ tổ chức đánh giá hồ sơ, thực hiện các công việc, thủ tục sau:

+ Trước thời gian tổ chức sát hạch, xét cấp chứng chỉ 30 ngày, Hội đồng xét chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II thông báo trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường về thời gian tổ chức sát hạch, xét cấp chứng chỉ;

+ Trước 10 ngày, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II thông báo bằng văn bản và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường về thời gian, địa điểm tổ chức và mã số dự sát hạch của từng cá nhân;

+ Tổ chức sát hạch theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 44 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019; Điểm b khoản 15 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tổ chức sát hạch, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổng hợp, trình Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đăng tải kết quả sát hạch và xét cấp chứng chỉ hành nghề trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Sau thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày đăng tải kết quả sát hạch và xét cấp chứng chỉ hành nghề, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký, cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

1.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho cá nhân.

Sau khi có kết quả, Phòng Đo đạc bản đồ và Viễn thám chuyển kết quả cho Văn thư Sở, Văn thư Sở chuyển hồ sơ/kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho cá nhân hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

2. Gia hạn, cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II.

2.1. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 3 ngày làm việc

2.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	½ ngày
B2	Nhận hồ sơ từ Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và chuyển cho phòng ĐĐBĐ&VT	Văn thư Sở	Ngay sau khi nhận hồ sơ
B3	Kiểm tra thông tin về chứng chỉ hành nghề đã cấp	Phòng Đo đạc Bản đồ và Viễn thám	Không quy định
B4	Gia hạn, cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc bản đồ hạng	Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường	Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ
B5	Chuyển trả kết quả/hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày
B6	Trả kết quả/hồ sơ cho cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh	Không tính thời gian

2.3. Diễn giải quy trình:

2.3.1. Tiếp nhận hồ sơ

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Đại diện của Sở Tài nguyên và Môi trường thường trực tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và bàn giao hồ sơ cho nhân viên Bưu chính chuyển Văn thư Sở trong thời gian ½ ngày; Văn thư Sở chuyển hồ sơ cho phòng Đo đạc bản đồ và Viễn thám trong thời gian ½ ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận lập Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

2.3.2. Gia hạn, cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II.

Phòng Đo đạc Bản đồ và Viễn thám có trách nhiệm kiểm tra thông tin về chứng chỉ hành nghề đã cấp, nếu đủ điều kiện trình Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Gia hạn, cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II trong thời gian 3 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

2.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho cá nhân.

Sau khi có kết quả, Phòng Đo đạc bản đồ và Viễn thám chuyển kết quả cho Văn thư Sở, Văn thư Sở chuyển hồ sơ/kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho cá nhân hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

3. Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

3.1. Thời hạn giải quyết:

Ngay trong ngày làm việc

3.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân	Trung tâm công nghệ thông tin	Trong ngày
B3	Kiểm tra thông tin về CMTND, CCCD, giấy giới thiệu hoặc Công văn của cơ quan, tổ chức	TT Công nghệ thông tin	Trong ngày
B4	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ địa chính	Trung tâm Công nghệ Thông tin	Trong ngày
B6	Trả kết quả/hồ sơ cho cá nhân	Trung tâm Công nghệ Thông tin	Không tính thời gian

3.3. Diễn giải quy trình:

3.3.1. Tiếp nhận hồ sơ

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện tới Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và bàn giao tới bộ phận chuyên môn ngay trong ngày làm việc. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận lập Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

3.3.2. Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

- Cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ và tiến hành Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ ngay trong ngày.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định, Trung tâm Công nghệ Thông tin có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

3.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho cá nhân.

Sau khi có kết quả, cán bộ chuyên môn gửi kết quả tới bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân

B – QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Cấp giấy phép môi trường.

1.1. Thời hạn giải quyết:

a. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là **15** (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là **05** (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp sau đây:

- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

- Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

b. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là **30** (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là **10** (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp còn lại.

Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.

1.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

** Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục 1.1.a, UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định.*

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	0,5 ngày
B2	Nhận hồ sơ hợp lệ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và chuyển cho Phòng TNMT	Văn thư	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận

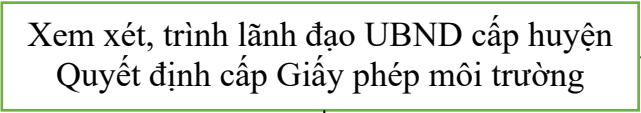
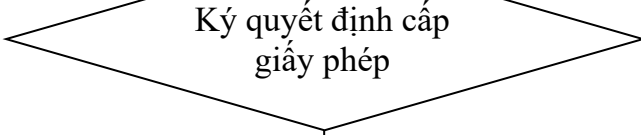
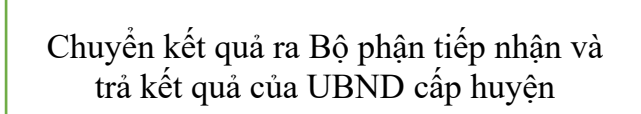
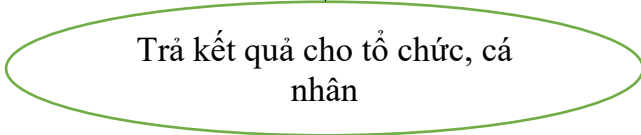
B3	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; gửi văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi (nếu xả nước thải vào công trình thủy lợi), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu SX, KD, DV tập trung, CCN (nếu dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu SX, KD, DV tập trung, CCN)	UBND cấp huyện	2,5 ngày
B4	Lập tờ trình trình UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định	Phòng TNMT	01 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định	Lãnh đạo UBND cấp huyện	01 ngày
B6	Thành viên Tổ thẩm định nghiên cứu hồ sơ, viết bản nhận xét	Tổ thẩm định	04 ngày
B7	Họp thẩm định báo cáo đề xuất cấp GPMT	Tổ thẩm định	0,5 ngày
B8	Tổng hợp và Thông báo kết quả thẩm định/Kết quả kiểm tra, nếu đạt chuyển sang B10, chưa đạt chuyển tiếp B9	Tổ thẩm định	1,0 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định
B9	Chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp GPMT	Chủ dự án và đơn vị tư vấn	Không quy định
B10	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ báo cáo đề xuất cấp GPMT sau khi chỉnh sửa hoặc sau khi hoàn thiện không cần chỉnh sửa	Phòng TNMT	2,0 ngày

B11	Xem xét, trình UBND cấp huyện Quyết định cấp Giấy phép	Lãnh đạo phòng TNMT	1,0 ngày
B12	Ký quyết định cấp Giấy phép	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1,0 ngày
B13	Chuyển kết quả ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Phòng TNMT	0,5 ngày
B14	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không tính thời gian

** Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục 1.1.b, UBND cấp huyện thành lập
Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra.*

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	0,5 ngày
B2	Nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện và chuyển cho Phòng TNMT	Văn thư	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận

B3	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; gửi văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi (nếu xả nước thải vào công trình thủy lợi), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu SX, KD, DV tập trung, CCN (nếu dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu SX, KD, DV tập trung, CCN)	UBND cấp huyện	2,5 ngày
B4	Lập tờ trình trình UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	Phòng TNMT	01 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	Lãnh đạo UBND cấp huyện	01 ngày
B6	Thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra khảo sát thực tế, nghiên cứu hồ sơ, viết bản nhận xét	Thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	16,5 ngày
B7	Họp thẩm định/Kiểm tra thực tế	Thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	0,5 ngày
B8	Tổng hợp và Thông báo kết quả thẩm định, nếu đạt chuyển sang B10, chưa đạt chuyển tiếp B9	Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định
B9	Chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp GPMT	Chủ dự án và đơn vị tư vấn	Không quy định
B10	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ báo cáo đề xuất cấp GPMT sau khi chỉnh sửa hoặc sau khi hoàn thiện không cần chỉnh sửa trình lãnh đạo phòng TNMT báo cáo kết quả thẩm định	Phòng TNMT	2,0 ngày

B11		Lãnh đạo Phòng TNMT	1,0 ngày
B12		Lãnh đạo UBND cấp huyện	1,0 ngày
B13		Phòng TNMT	0,5 ngày
B14		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không tính thời gian

1.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

1.3.1. Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức/cá nhân, chuyển hồ sơ về Phòng Tài nguyên Môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức/cá nhân.

1.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- UBND cấp huyện công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; gửi văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi (nếu xả nước thải vào công trình thủy lợi), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu SX, KD, DV tập trung, CCN (nếu dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu SX, KD, DV tập trung, CCN) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Phòng TNMT thẩm tra hồ sơ, lập dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra gửi lãnh đạo phòng TNMT trình UBND cấp huyện trong thời gian 01 ngày làm việc.

- Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét, ký Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra với thời gian 01 ngày làm việc.

- Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục 1.1.a trong thời hạn 4,0 ngày làm việc tổ thẩm định tiến hành họp thẩm định báo cáo đề xuất cấp GPMT kể từ ngày có Quyết định thành lập Tổ thẩm định; Đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc mục 1.1.b Trong thời hạn 16,5 ngày làm việc Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra tiến hành họp thẩm định báo cáo đề xuất cấp GPMT/kiểm tra thực tế tại cơ sở kể từ ngày có Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra.

- Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục 1.1.a Phòng Tài Nguyên và Môi trường thông báo kết quả thẩm định/kiểm tra trong thời hạn 1,0 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định/kiểm tra; 03 ngày làm việc đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục 1.1.b.

- Trường hợp Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được thông qua không cần chỉnh sửa bổ sung: Chủ dự án/chủ cơ sở hoàn thiện lại Hồ sơ nộp về Phòng Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Trường hợp Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường không đạt yêu cầu: Phòng Tài nguyên và Môi trường trả hồ sơ cho Chủ dự án/chủ cơ sở kèm theo biên bản thông báo kết quả thẩm định/kiểm tra để Chủ dự án/Chủ cơ sở hoàn thiện, bổ sung hồ sơ; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện trả hồ sơ.

Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ theo nội dung Biên bản họp thẩm định/Biên bản kiểm tra trong thời hạn theo quy định và nộp lại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường về Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường rà soát, thẩm định báo cáo đề xuất cấp GPMT đã chỉnh sửa, bổ sung theo Biên bản họp thẩm định/Biên bản kiểm tra trong thời gian 2,0 ngày làm việc.

+ *Trường hợp báo cáo đề xuất không đạt yêu cầu:* Phòng TNMT có văn bản gửi cho Chủ dự án/chủ cơ sở để hoàn thiện hồ sơ và gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công. Chủ dự án/chủ cơ sở hoàn thiện và nộp lại cho Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi hồ sơ được hoàn thiện.

- *Trường hợp báo cáo đề xuất đạt yêu cầu:* Phòng TNMT tham mưu lãnh đạo phòng ký Tờ trình, dự thảo Quyết định cấp Giấy phép trong thời gian 1,0 ngày.

- Lãnh đạo UBND cấp huyện ký Quyết định cấp Giấy phép môi trường thời hạn 1,0 ngày làm việc.

- Phòng TNMT chuyển kết quả ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện để trả Hồ sơ cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn ½ ngày.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện công khai trên cổng thông tin điện tử giấy phép môi trường, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; vận hành, cập nhật, tích hợp dữ liệu về giấy phép môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

1.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Sau khi nhận kết quả của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích.

2. Cấp đổi giấy phép môi trường.

2.1. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định.
- Thời hạn cấp đổi giấy phép môi trường: Tối đa **10** (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.

2.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	0,5 ngày
B2	Nhận hồ sơ hợp lệ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện và chuyển cho Phòng TNMT	Văn thư	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận
B3	Phòng TNMT thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp đổi GPMT nếu đạt chuyển sang B5, không đạt chuyển sang B4	Phòng TNMT	2,5 ngày
B4	Chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ cấp đổi GPMT	Chủ dự án đầu tư, cơ sở	Không quy định
B5	Trình lãnh đạo Phòng TNMT báo cáo kết quả thẩm tra	Phòng TNMT	3,5 ngày
B6	Xem xét, trình UBND cấp huyện cấp đổi Giấy phép môi trường	Lãnh đạo Phòng TNMT	1,5 ngày

B7		Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày
B8		Phòng TNMT	0,5 ngày
B9		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không tính thời gian

2.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

2.3.1. Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức/cá nhân, chuyển hồ sơ về Phòng Tài nguyên Môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức/cá nhân.

2.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm tra hồ sơ, lập dự thảo tờ trình cấp đổi Giấy phép môi trường gửi lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp huyện trong thời gian 06 ngày làm việc.

+ Trường hợp Hồ sơ pháp lý liên quan đến việc thay đổi Giấy phép môi trường không đạt yêu cầu: Phòng Tài nguyên và Môi trường trả hồ sơ cho Chủ dự án/cơ sở kèm theo công văn trả lời đề Chủ dự án/Chủ cơ sở hoàn thiện, bổ sung hồ sơ; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả hồ sơ.

Chủ dự án/cơ sở hoàn thiện hồ sơ theo công văn trả lời của Phòng Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn theo quy định và nộp lại hồ sơ về Phòng Tài nguyên và Môi trường.

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu trình lãnh đạo phòng ký Tờ trình cấp đổi Giấy phép môi trường.

- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND cấp huyện cấp đổi Giấy phép trong thời gian 1,5 ngày làm việc.

- Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét, ký Quyết định cấp đổi Giấy phép môi trường thời hạn 02 ngày làm việc.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển kết quả ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trả Hồ sơ cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 0,5 ngày.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện công khai trên cổng thông tin điện tử giấy phép môi trường đã được cấp đổi, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; vận hành, cập nhật, tích hợp dữ liệu về giấy phép môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

2.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Sau khi nhận kết quả của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích.

3. Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường.

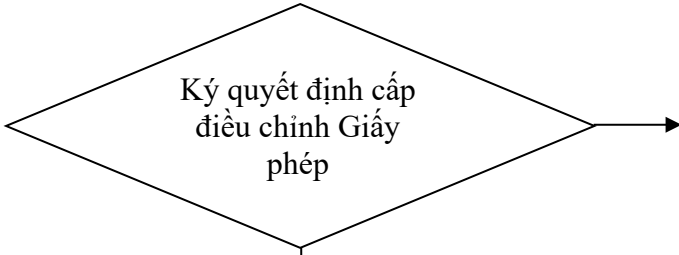
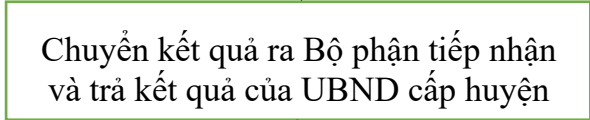
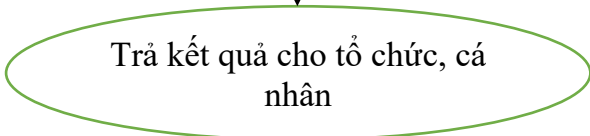
3.1. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định.
- Thời hạn cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: Tối đa **15** (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.

3.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	0,5 ngày
B2	Nhận hồ sơ hợp lệ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện và chuyển cho Phòng TNMT	Văn thư	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận
B3	Phòng TNMT thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh GPMT nếu đạt chuyển sang B5, không đạt chuyển sang B4	Phòng TNMT	5,5 ngày
B4	Chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ cấp điều chỉnh GPMT	Chủ dự án đầu tư, cơ sở	Không quy định
B5	Trình lãnh đạo Phòng TNMT báo cáo kết quả thẩm tra	Phòng TNMT	4,5 ngày
B6	Xem xét, trình lãnh đạo UBND cấp huyện cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	Lãnh đạo Phòng TNMT	02 ngày

B7		Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày
B8		Phòng TNMT	0,5 ngày
B9		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không tính thời gian

3.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

3.3.1. Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức/cá nhân, chuyển hồ sơ về Phòng Tài nguyên Môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức/cá nhân.

3.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm tra hồ sơ, lập dự thảo tờ trình cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường gửi lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp huyện trong thời gian 10 ngày làm việc.

+ Trường hợp Hồ sơ pháp lý liên quan đến việc điều chỉnh Giấy phép môi trường không đạt yêu cầu: Phòng Tài nguyên và Môi trường trả hồ sơ cho Chủ dự án/cơ sở kèm theo công văn trả lời để Chủ dự án/Cơ sở hoàn thiện, bổ sung hồ sơ; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả hồ sơ.

Chủ dự án/cơ sở hoàn thiện hồ sơ theo công văn trả lời của Phòng Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn theo quy định và nộp lại hồ sơ về Phòng Tài nguyên và Môi trường.

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu trình lãnh đạo Phòng ký Tờ trình cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường.

- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND cấp huyện cấp điều chỉnh Giấy phép trong thời gian 2,0 ngày làm việc.

- Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét, ký Quyết định cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường thời hạn 02 ngày làm việc.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển kết quả ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trả Hồ sơ cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 0,5 ngày.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện công khai trên cổng thông tin điện tử giấy phép môi trường điều chỉnh, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; vận hành, cập nhật, tích hợp dữ liệu về giấy phép môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

3.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Sau khi nhận kết quả của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bru chính công ích.

4. Cấp lại giấy phép môi trường.

4.1. Thời hạn giải quyết:

a. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp lại giấy phép môi trường tối đa là **20** (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:

- Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng;

- Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung).

b. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là **30** (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:

- Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;

- Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.

Trong đó, tối đa **15 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:

- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

- Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ

gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.

4.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

** Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục 4.1.a, UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra.*

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	0,5 ngày
B2	Nhận hồ sơ hợp lệ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện và chuyển cho Phòng TNMT	Văn thư	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận
B3	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp lại GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; gửi văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi (nếu xả nước thải vào công trình thủy lợi), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu SX, KD, DV tập trung, CCN (nếu dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu SX, KD, DV tập trung, CCN)	UBND cấp huyện	2,5 ngày
B4	Thẩm định, lập tờ trình UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	Phòng TNMT	1,0 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1,0 ngày

B6	Thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra nghiên cứu hồ sơ, viết bản nhận xét	Thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	7,0 ngày
B7	Họp thẩm định/Kiểm tra thực tế	Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	0,5 ngày
B8	Tổng hợp và Thông báo kết quả thẩm định/ kiểm tra, nếu đạt chuyển sang B10, chưa đạt chuyển tiếp B9	Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	1,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định
B9	Chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp lại GPMT	Chủ dự án và đơn vị tư vấn	Không quy định
B10	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ báo cáo đề xuất cấp lại GPMT sau khi chỉnh sửa hoặc sau khi hoàn thiện không cần chỉnh sửa trình lãnh đạo Sở báo cáo kết quả thẩm định	Phòng TNMT	3,0 ngày
B11	Xem xét, trình UBND cấp huyện quyết định cấp lại Giấy phép môi trường	Phòng TNMT	1,0 ngày
B12	Ký quyết định cấp lại giấy phép	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1,5 ngày
B13	Chuyển kết quả ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B14	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không tính thời gian

*** Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục 4.1.b, UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định.**

- Quy trình thực hiện của các dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP):

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	0,5 ngày
B2	Nhận hồ sơ hợp lệ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện và chuyển cho Phòng TNMT	Văn thư	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận
B3	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp lại GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; gửi văn bản tham vấn ý kiến đến chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu SX, KD, DV tập trung, CCN (nếu dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu SX, KD, DV tập trung, CCN)	UBND cấp huyện	2,5 ngày
B4	Thẩm định, lập tờ trình trình UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định	Phòng TNMT	1,0 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1,0 ngày

B6	Thành viên Tổ thẩm định nghiên cứu hồ sơ, viết bản nhận xét	Thành viên Tổ thẩm định	5,0 ngày
B7	Họp thẩm định báo cáo đề xuất cấp lại GPMT	Tổ thẩm định	0,5 ngày
B8	Tổng hợp và Thông báo kết quả thẩm định, nếu đạt chuyển sang B10, chưa đạt chuyển tiếp B9	Tổ thẩm định	0,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định
B9	Chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp GPMT	Chủ dự án và đơn vị tư vấn	Không quy định
B10	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ báo cáo đề xuất cấp GPMT sau khi chỉnh sửa hoặc sau khi hoàn thiện không cần chỉnh sửa trình lãnh đạo Sở báo cáo kết quả thẩm định	Phòng TNMT	2,0 ngày
B11	Xem xét, trình lãnh đạo UBND cấp huyện cấp lại Giấy phép	Phòng TNMT	0,5 ngày
B12	Ký quyết định cấp lại Giấy phép MT	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1,0 ngày
B13	Chuyển kết quả ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Phòng TNMT	0,5 ngày
B14	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không tính thời gian

- Quy trình thực hiện các dự án đầu tư/cơ sở không thuộc trường hợp: các dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	0,5 ngày
B2	Nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện và chuyển cho Chi cục BVMT	Văn thư	Chuyển ngay sau khi tiếp nhận
B3	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp lại GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; gửi văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi (nếu xả nước thải vào công trình thủy lợi), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu SX, KD, DV tập trung, CCN (nếu dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu SX, KD, DV tập trung, CCN)	UBND cấp huyện	2,5 ngày
B4	Thẩm định, lập tờ trình trình UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	Phòng TNMT	1,0 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	Lãnh đạo UBND cấp huyện	01 ngày

B6	Thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra nghiên cứu hồ sơ, viết bản nhận xét	Thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	12,5 ngày
B7	Họp thẩm định/Kiểm tra thực tế	Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	0,5 ngày
B8	Tổng hợp và Thông báo kết quả thẩm định/kiểm tra, nếu đạt chuyển sang B10, chưa đạt chuyển tiếp B9	Phòng TNMT	2,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định
B9	Chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp lại GPMT	Chủ dự án và đơn vị tư vấn	Không quy định
B10	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ báo cáo đề xuất cấp lại GPMT sau khi chỉnh sửa hoặc sau khi hoàn thiện không cần chỉnh sửa trình lãnh đạo phòng báo cáo kết quả thẩm định	Phòng TNMT	5,0 ngày
B11	Xem xét, trình UBND cấp huyện quyết định cấp lại GPMT	Lãnh đạo phòng TNMT	2,0 ngày
B12	Xem xét, ký quyết định cấp lại GPMT	Lãnh đạo UBND cấp huyện	2,0 ngày
B13	Chuyển kết quả ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Phòng TNMT	0,5 ngày
B15	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không tính thời gian

4.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

4.3.1. Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức/cá nhân, chuyển hồ sơ về Phòng Tài nguyên Môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức/cá nhân.

4.3.2. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- UBND cấp huyện công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp lại GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; gửi văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan QLNN quản lý công trình thủy lợi (nếu xả nước thải vào công trình thủy lợi), chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu SX, KD, DV tập trung, CCN (nếu dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu SX, KD, DV tập trung, CCN) trong thời **hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ**.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm tra hồ sơ, lập dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra gửi lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh trong thời gian 1,0 ngày làm việc. Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra được thành lập như sau:

+ Đối với dự án đầu tư ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, trình UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định, tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư;

+ Đối với cơ sở đang hoạt động, trình UBND cấp huyện thành lập Tổ kiểm tra và tổ chức kiểm tra thực tế.

- Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét, ký Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra với thời gian 1,0 ngày làm việc.

- Thành viên Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ thẩm định nghiên cứu báo cáo đề xuất cấp lại GPMT và các tài liệu liên quan với thời gian cụ thể:

+ Đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc mục 4.1.a trong thời hạn 7,0 ngày làm việc;

+ Đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc mục 4.1.b trong thời hạn 12,5 ngày làm việc; 5,0 ngày làm việc đối với các dự án đầu tư/cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra tiến hành họp thẩm định/kiểm tra thực tế tại cơ sở kể từ ngày có Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra: 0,5 ngày.

- Phòng Tài Nguyên và Môi trường thông báo kết quả thẩm định/kiểm tra kể từ ngày kết thúc thẩm định/kiểm tra trong thời hạn cụ thể như sau:

+ Đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc mục 4.1.a trong thời hạn 1,5 ngày làm việc;

+ Đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc mục 4.1.b trong thời hạn 2,0 ngày làm việc; 0,5 ngày làm việc đối với các dự án đầu tư/cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp Báo cáo đề xuất cấp lại Giấy phép môi trường được thông qua không cần chỉnh sửa bổ sung: Chủ dự án/chủ cơ sở hoàn thiện lại Hồ sơ nộp về Phòng Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Trường hợp Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường không đạt yêu cầu: Phòng Tài nguyên và Môi trường trả hồ sơ cho Chủ dự án/chủ cơ sở kèm theo biên bản thông báo kết quả thẩm định/kiểm tra để Chủ dự án/Chủ cơ sở hoàn thiện, bổ sung hồ sơ; Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trả hồ sơ cho chủ dự án/chủ cơ sở.

Chủ dự án/cơ sở hoàn thiện hồ sơ theo nội dung Biên bản họp thẩm định/Biên bản kiểm tra trong thời hạn theo quy định và nộp lại Báo cáo đề xuất cấp lại Giấy phép môi trường về Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường rà soát, thẩm định báo cáo đề xuất cấp lại GPMT đã chỉnh sửa, bổ sung theo Biên bản họp thẩm định/Biên bản kiểm tra trong thời gian:

+ 3,0 ngày làm việc đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc mục 4.1.a;

+ 5,0 ngày làm việc Đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc mục 4.1.b; trong đó 2,0 ngày làm việc đối với các dự án đầu tư/cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

+ Trường hợp báo cáo đề xuất không đạt yêu cầu: Phòng Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi cho Chủ dự án/chủ cơ sở để hoàn thiện hồ sơ và gửi Bộ phận

tiếp nhận và trả kết quả trả hồ sơ/kết quả. Chủ dự án/chủ cơ sở hoàn thiện và nộp lại cho Phòng Tài nguyên và Môi trường sau khi hồ sơ được hoàn thiện.

- *Trường hợp báo cáo đề xuất đạt yêu cầu:* Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu trình lãnh đạo phòng ký Tờ trình, dự thảo Quyết định cấp lại Giấy phép.

- Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét trình lãnh đạo UBND cấp huyện cấp lại Giấy phép trong thời gian:

+ 01 ngày làm việc đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc mục 4.1.a;

+ 2,0 ngày làm việc đối với dự án/cơ sở thuộc mục 4.1.b; trong đó 0,5 ngày làm việc đối với các dự án đầu tư/cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét, ký Quyết định cấp lại Giấy phép môi trường thời hạn:

+ Đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc mục 4.1.a trong thời hạn 1,5 ngày làm việc;

+ Đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc mục 4.1.b trong thời hạn 2,0 ngày làm việc; 1,0 ngày làm việc đối với các dự án đầu tư/cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển kết quả ra Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ để trả Hồ sơ cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 0,5 ngày.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện công khai trên cổng thông tin điện tử Giấy phép môi trường được cấp lại, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; vận hành, cập nhật, tích hợp dữ liệu về giấy phép môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

4.3.3. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Sau khi nhận kết quả của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả hồ sơ/kết quả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích.

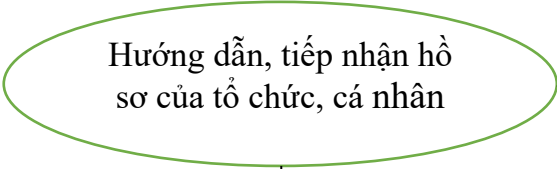
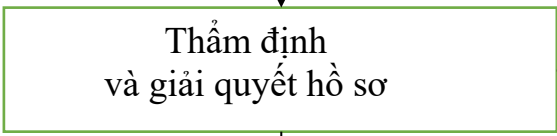
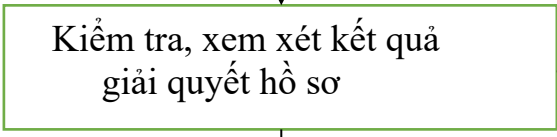
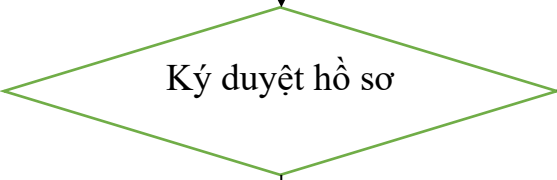
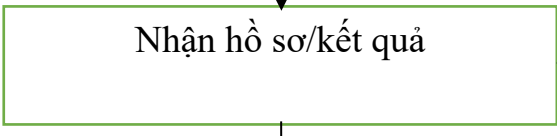
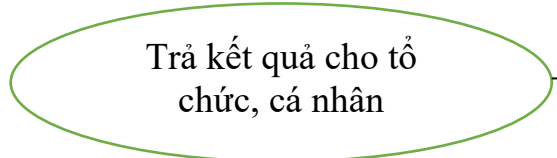
C – QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1.Thủ tục: Tham vấn Báo cáo đánh giá tác động môi trường

1.1. Thời hạn giải quyết:

15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

1.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	01 ngày
B2		Phòng địa chính môi trường	11,5 ngày
B3		Lãnh đạo Phòng địa chính môi trường	01 ngày
B4		Lãnh đạo UBND xã	01 ngày
B5		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	0,5 ngày
B6		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Không tính thời gian

1.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

a. Tiếp nhận hồ sơ.

+ Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.

+ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho TC, chuyển hồ sơ về Phòng địa chính môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho TC.

b. Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

Trong thời hạn theo quy định Phòng địa chính môi trường báo cáo lãnh đạo UBND cấp xã nơi thực hiện dự án xem xét, tổ chức việc tham vấn cộng đồng theo quy định và có văn bản phản hồi về việc thực hiện dự án cho chủ dự án.

c. Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Sau khi có kết quả, Phòng địa chính môi trường chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã để trả cho tổ chức, cá nhân.

Phụ lục III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

I – LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

TT	Số hồ sơ Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định bãi bỏ Thủ tục hành chính	Ghi chú
A	TTHC CẤP TỈNH			
1	1.004141.000.00.00.H23	Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;	
2	1.004356.000.00.00.H23	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;	
3	1.004258.000.00.00.H23	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;	
4	1.004148.000.00.00.H23	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;	
5	1.005741.000.00.00.H23	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;	

TT	Số hồ sơ Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định bãi bỏ Thủ tục hành chính	Ghi chú
B	TTHC CẤP HUYỆN			
1	1.004138.000.00.00.H23	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;	

Phụ lục IV
Quy trình nội bộ bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng giải quyết
của Sở Tài nguyên và Môi trường
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày/3/2022 của
UBND tỉnh Hải Dương)

A – DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	
I-1	Lĩnh vực môi trường	
1	Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)	Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Hải Dương
2	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Hải Dương
3	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Hải Dương
4	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Hải Dương
5	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Hải Dương
I-2	Lĩnh vực đo đạc, bản đồ	
1	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND tỉnh Hải Dương
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
1	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi	Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Hải Dương

Phụ lục V
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
TIẾP NHẬN CỦA UBND TỈNH ỦY QUYỀN
CHO SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TIẾP NHẬN
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày... tháng 02 năm 2022 của
Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

STT	Tên TTHC	Ghi chú
1	Cấp giấy phép môi trường	
2	Cấp đổi giấy phép môi trường	
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	
4	Cấp lại giấy phép môi trường	
5	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	
6	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	